

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 11 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số được giao			Tổng số đã phân bổ			Trong đó																					
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường			Chi cục Bảo vệ Môi trường			Chi cục Quản lý đất đai			Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh						Trung tâm Phát triển quỹ đất			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường			
								Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm(-)	Dự toán sau điều chỉnh	
	VĂN NGÂN SÁCH ĐỊA	2.054.813.374	-617.378.824	1.437.434.550	2.054.813.374	-617.378.824	1.437.434.550	467.780.000	-25.830.450	441.949.550	84.100.000	0	84.100.000	82.000.000	-57.415.000	24.585.000	497.333.374	-497.333.374	0	36.800.000	-36.800.000	0	586.800.000	0	586.800.000	300.000.000	0	300.000.000	
1	Chi quản lý hành chính	633.880.000	-83.245.450	550.634.550	633.880.000	-83.245.450	550.634.550	467.780.000	-25.830.450	441.949.550	84.100.000	0	84.100.000	82.000.000	-57.415.000	24.585.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	633.880.000	-83.245.450	550.634.550	633.880.000	-83.245.450	550.634.550	467.780.000	-25.830.450	441.949.550	84.100.000	0	84.100.000	82.000.000	-57.415.000	24.585.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trang phục thanh tra;	47.000.000	-225.000	46.775.000	47.000.000	-225.000	46.775.000	47.000.000	-225.000	46.775.000			0			0			0			0			0			0	
	- Hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn;	334.100.000	-32.000.000	302.100.000	334.100.000	-32.000.000	302.100.000	250.000.000	-21.000.000	229.000.000	84.100.000	-11.000.000	73.100.000			0			0			0			0			0	
	- Phục vụ thông kê, kiểm kê trữ lương khoáng sản	31.780.000	-20.068.450	11.711.550	31.780.000	-20.068.450	11.711.550	31.780.000	-20.068.450	11.711.550			0			0			0			0			0			0	
	- Điều tra đánh giá kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo	90.000.000	-5.412.000	84.588.000	90.000.000	-5.412.000	84.588.000	90.000.000	-5.412.000	84.588.000			0			0			0			0			0			0	
	- Chi sửa chữa xe ô tô	49.000.000	-125.000	48.875.000	49.000.000	-125.000	48.875.000	49.000.000	-125.000	48.875.000			0			0			0			0			0			0	
	- Mua phần mềm quản lý ngân sách phần hệ lập - giao - chấp hành quyết toán cho đơn vị trực thuộc	0	33.000.000	33.000.000	0	33.000.000	33.000.000	0	11.000.000	11.000.000	0	11.000.000	11.000.000	0	11.000.000	11.000.000			0			0			0			0	
	- Mua phần mềm quản lý ngân sách phần hệ tổng hợp dự toán, quyết toán ngân sách cho đơn vị chủ quản	0	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	10.000.000			0			0			0			0			0			0	
	- Hỗ trợ lái xe chuyên dùng	82.000.000	-68.415.000	13.585.000	82.000.000	-68.415.000	13.585.000	0		0			0	82.000.000	-68.415.000	13.585.000			0			0			0			0	
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	300.000.000	0	300.000.000	300.000.000	0	300.000.000	0		0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300.000.000	0	300.000.000	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	300.000.000	0	300.000.000	300.000.000	0	300.000.000	0		0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300.000.000	0	300.000.000	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	300.000.000	0	300.000.000	300.000.000	0	300.000.000	0		0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300.000.000	0	300.000.000	
	+ Xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	300.000.000	-11.000.000	289.000.000	300.000.000	-11.000.000	289.000.000			0			0			0			0			0			0	300.000.000	-11.000.000	289.000.000	
	+ Mua phần mềm quản lý ngân sách phần hệ lập - giao - chấp hành quyết toán cho đơn vị trực thuộc	0	11.000.000	11.000.000	0	11.000.000	11.000.000			0			0			0			0			0			0	0	11.000.000	11.000.000	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Sự nghiệp kinh tế	1.084.133.374	-497.333.374	586.800.000	1.084.133.374	-497.333.374	586.800.000	0		0			0	0	0	0	497.333.374	-497.333.374	0	0	0	586.800.000	0	586.800.000	0	586.800.000	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.084.133.374	-497.333.374	586.800.000	1.084.133.374	-497.333.374	586.800.000	0		0			0	0	0	0	497.333.374	-497.333.374	0	0	0	586.800.000	0	586.800.000	0	586.800.000	0	0	0
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	344.333.374	-344.333.374	0	344.333.374	-344.333.374	0	0	0	0			0	0	0	0	344.333.374	-344.333.374	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Nguồn cải cách tiền lương	344.333.374	-344.333.374	0	344.333.374	-344.333.374	0	0		0			0	0	0	0	344.333.374	-344.333.374	0	0	0				0			0	0
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	739.800.000	-153.000.000	586.800.000	739.800.000	-153.000.000	586.800.000	0		0			0	0	0	0	153.000.000	-153.000.000	0	0	0	586.800.000	0	586.800.000	0	586.800.000	0	0	0
	- Xây dựng phần																												